| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tư do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 173/2023/DS-ST
Ngày: 20/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thế Văn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Sức
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên Tòa***: Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2023/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng C, có trụ sở: Số A, phố L, phường H, quận H, Thành Phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Ngọc N, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện P làm đại diện theo văn bản ủy quyền số 42/QĐ – NHCS ngày 06 tháng 6 năm 2022, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1968, nơi cư trú: tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Đặng Thị N1, sinh năm 1965 nơi cư trú: tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2023 và lời khai của đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N trình bày:*

Ngày 02/02/2007 ông Huỳnh Văn H đại diện cho hộ gia đình vay vốn tại phòng giao dịch NHCSXH huyện P chương trình cho vay nhà trả chậm, tổng số tiền là 7.000.000đ, thời hạn trả nợ vay là 02/02/2017 lãi suất trong hạn là 0,25%/tháng và lãi suất quá hạn là 0,325%/tháng đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 12/01/2022. Tổng

cộng gốc và lãi tính đến ngày 04/01/2023 là 9.242.000đồng, trong đó tiền gốc là 7.000.000đồng, tiền lãi là 2.242.000đồng.

Sau khi nhận tiền vay thì hộ ông H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi theo chương trình vay với Ngân hàng được lần nào. Nay Ngân hàng yêu cầu ông H cùng bà Đặng Thị N1 liên đới trả cho ngân hàng số tiền 9.242.000đồng, trong đó tiền vốn là 7.000.000đồng, lãi 2.242.000 đồng.

*Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông H, bà N1 vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý nên không có lời trình bày.

*Tại phiên tòa*, bà N1 đại diện cho Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà N1, ông H liên đới trả cho ngân hàng số tiền 9.238.928 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 7.000.000đồng, lãi là 2.238.928 đồng tạm tính đến ngày 20/7/2023.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu ông H, bà N1 có trách nhiệm trả tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt phiên tòa lần thưa hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.4] Giao dịch dân sự được thực hiện năm 2007 chưa được thực hiện xong mà có nội dung, hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng C với ông Huỳnh Văn H (đại diện cho hộ gia đình và bà N1 là thành viên hộ) có cam kết chịu trách nhiệm liên đới toàn bộ

khoản vay, các bên xác lập hợp đồng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, được thể hiện bằng sổ vay vốn theo chương trình cho vay vốn mua trả chậm nhà ở số tiền 7.000.000đ vào ngày 02/02/2007, thời hạn trả là ngày 02/02/2017. Về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng đã ký kết Ngân hàng giải ngân cho ông H.

[2.2] Căn cứ các chứng cứ Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu gồm sổ vay vốn theo chương trình cho vay vốn mua trả chậm nhà ở số tiền vay là 7.000.000đ vào ngày 02/02/2007, được gia hạn nợ đến ngày 02/01/2022 đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 12/01/2022. Tuy nhiên quá trình tố tụng các đương sự không có ý kiến gì đối với các chứng cứ này. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý.

[2.3] Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với ông H, bà N1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau theo hình thức sổ vay vốn, theo đó ông H, bà N1 đã nhận đủ số tiền vay của hợp đồng. Sau khi vay thì hộ ông H không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và trả vốn theo hợp đồng đã ký. Ngân hàng đã tạo điều kiện đôn đốc, nhắc nhở và các đương sự có cam kết trả nợ nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Vì vậy, buộc ông H, bà N1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng đối với số tiền vốn còn nợ của chương trình cho vay vốn mua trả chậm nhà ở số tiền vốn 7.000.000 đồng.

[2.4] Đối với tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn nguyên đơn yêu cầu tính đến ngày 20/7/2023 căn cứ theo quy định hợp đồng các bên đã ký kết và theo Quyết định số 65/QĐ/HĐQT ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng về việc khoanh nợ từ thời gian 15/12/2022 đến 15/12/2025, trong thời gian này sẽ không phát sinh lãi, sau thời gian này sẽ phát sinh theo nợ quá hạn và lãi quá hạn, vì vậy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp nghĩ nên chấp nhận.Tính đến ngày 20/7/2023 số tiền lãi của khoản vay 7.000.000 đồng là 2.238.928 đồng; Tổng cộng tiền lãi và vốn là 9.238.928 đồng.

Từ những cơ sở trên nghĩ nên buộc ông H, bà N1 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 20/7/2023 của hợp đồng tín dụng tổng cộng là 9.238.928đồng.

[2.5] Về án phí sơ thẩm: Ông H và bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ hhoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 275, Điều 288, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với ông Huỳnh Văn H, bà Đặng Thị N1

Buộc ông Huỳnh Văn H, bà Đặng Thị N1 liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền vốn vay còn nợ theo chương trình cho vay vốn mua trả chậm nhà ở số tiền 7.000.000 đồng và lãi phát sinh tính tính đến ngày 20/7/2023 là 2.238.928 đồng, Tổng cộng vốn và lãi là 9.238.928 đồng.

Kể từ ngày 20/7/2023, ông Huỳnh Văn H, bà Đặng Thị N1 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo chương trình cho vay vốn mua trả chậm nhà ở cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- *Về án phí sơ thẩm:*

Ông Huỳnh Văn H, bà Đặng Thị N1 cùng phải chịu án phí là 461.946 đồng.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thế Văn**